

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày: 22-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Lượng;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê S, sinh năm 1983 (còn gọi là Bé) tại B; thường trú: Khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1947; bị cáo có vợ Trần Thị Nguyên T, sinh năm 1981 và 01 con, sinh năm 2012; T án, T sự: Không; nhân thân: Ngày 19-7-2005, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố H xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 1163/2005/HSPT - đã xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 22-01-2018 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thị Nguyên T, sinh năm 1981; thường trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh B – là vợ của bị cáo; có mặt.

- Người làm chứng:

1- Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1971; thường trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

2- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944; thường trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê S và bà Trần Thị Nguyên T là vợ chồng và có một con chung tên Lê Thị Cẩm Tú, sinh năm 2012. Quá trình sống chung giữa S và bà T phát sinh mâu thuẫn về vấn đề T bạc. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11-4-2017, tại nhà của bà T thuộc Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh B, S và bà T xảy ra cãi vã, S dùng chai nước suối bằng nhựa ném trúng vào cánh tay của bà T nhưng không gây thương tích. Sau đó, S đi đám tang người họ hàng tại xã T, thành phố B, tỉnh Đ. Bà T làm đơn tố cáo gửi Công an xã T, thị xã T. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, S về nhà thì cả hai tiếp tục cãi vã. Lúc này, S dùng tay phải lấy con dao dài 50cm cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại đang để trong rổ phía dưới bàn tại bếp ăn để chém bà T. Thấy vậy, bà T liền ôm lấy con gái tên Lê Thị Cẩm Tú leo qua bức tường chuồng heo phía sau nhà bếp định bỏ chạy, thì bị S dùng tay trái nắm tóc của bà T lại, còn tay phải cầm dao chém trúng nhiều cái vào vai trái, vai phải và hai tay của bà T gây thương tích. Bị S chém, bà T liền buông cháu T ra và bỏ chạy được một đoạn thì S đuổi kịp dùng tay trái nắm tóc của bà T và cầm dao định chém tiếp. Cùng lúc này, bà Nguyễn Thị T, là di ruột của bà T ở gần đó nghe tiếng cãi vã nên chạy ra can ngăn nên bà T bỏ chạy thoát. Bà T được đưa đến Bệnh viện đa khoa Vạn Phúc 2 ở thị xã T, tỉnh B để cấp cứu, còn S vứt bỏ con dao tại hiện trường rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 12-4-2017, Công an xã T, thị xã T tiến hành thu giữ 01 con dao dài khoảng 50 cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, lập hồ sơ ban đầu chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 168/2017/GDPY ngày 31-5-2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh B xác định bà Trần Thị Nguyên T có thương tích như sau: Vết thương vai phải 5,5 x 0,5cm; vết thương vai trái 2,5 x 0,5cm sẹo lành. Bàn tay trái 02 vết thương ngón III 2,5 x 0,1cm; 3,5 x 0,1cm, đứt gân duỗi ngón III, đã phẫu thuật nối gân duỗi ngón III, sẹo lành. Bàn tay phải cắt bán phần đốt xa ngón I, đã lành; vết thương dọc ngón II 7,5 x 0,3cm, đứt bó mạch phía ngoài, xẹo lành; gãy đốt xa ngón II, đã cal. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 17%.

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKSTU ngày 26-4-2018, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Lê S về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê S mức án từ 3 năm đến 4 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa xác định: Ngày 11 tháng 4 năm 2017, tại nhà của bị cáo thuộc Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh B, bị cáo Lê S dùng con dao dài 50 cm có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại hình bầu chém gây thương tích cho vợ của mình là bà Trần Thị Nguyên T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 17%. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các vết thương của bị hại thể hiện tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 168/2017/GDPY ngày 31-5-2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh B. Như vậy, đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm vào Tội cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi trên đây của bị cáo chẳng những xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của người khác, mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: sau khi chém nhiều cái vào hai bên vai và hai tay của bà T gây thương tích khiến bà T phải buông cháu T ra bỏ chạy nhưng chỉ được một đoạn thì bị cáo đuổi kịp dùng tay trái nắm tóc của bà T và cầm dao định chém tiếp nhưng do bà Nguyễn Thị T can ngăn nên bà T bỏ chạy thoát. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cố tình thực hiện tội phạm đến cùng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[7] Xét thấy, mức án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: con dao dài 50 cm có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại hình bầu là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Lê S (còn gọi là Bé) phạm Tội cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê S (còn gọi là B) 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-01-2018.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 50 cm có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại hình bầu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-4-2018 giữa Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã T với Công an thị xã T).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV27, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí